| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÀU BÀNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tuấn Tú;

Ông Tô Tiến Quân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Thùy L, sinh năm 1987; cư trú tại: số nhà X, tổ Y, ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn P, sinh năm 1988; cư trú tại: số nhà X, tổ Y, ấp B, , xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: chị L đăng ký kết hôn với anh Trương Văn P tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 21 tháng 11 năm 2011 (Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2011, quyển số 02/2011). Quá trình chung sống đến năm 2016, chị L và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh P không chung thủy và còn nghi ngờ chị L ngoại tình nên vợ chồng không tin tưởng nhau,

anh P còn là người sống ích kỷ. Tháng 8 năm 2018, hai bên cho nhau cơ hội để sửa chữa nhưng anh P vẫn không thay đổi mà còn có lời lẽ xúc phạm chị L. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh P nên chị L yêu cầu ly hôn anh P.

Về nuôi con chung: chị L và anh P có một con chung tên Trương Thị Thùy H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012. Chị L yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: chị L không tranh chấp.

Bị đơn anh Trương Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh P đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: ngày 31 tháng 5 năm 2019, Tòa án triệu tập hợp lệ anh P lần thứ nhất để tham gia phiên tòa vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 25 tháng 6 năm 2019, anh P vắng mặt không lý do; ngày 04 tháng 7 năm 2019, Tòa án triệu tập hợp lệ anh P lần thứ hai để tham gia phiên tòa vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 24 tháng 7 năm 2019, anh P cũng vắng mặt không lý do. Do anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị L và anh P là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh P chung sống đến năm 2016 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh P và chị L không tin tưởng nhau về tình cảm, anh P còn là người sống ích kỷ; hai bên cho nhau cơ hội để sửa chữa nhưng anh P vẫn không thay đổi mà còn có lời lẽ xúc phạm chị L. Xét thấy, chị L và anh P là vợ chồng nhưng không thương yêu, tôn trọng nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Nay, chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh P nên chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, quyết định cho chị L và anh P ly hôn.

Về nuôi con chung: chị L và anh P có một con chung tên Trương Thị Thùy H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012. Chị L yêu cầu được nuôi cháu H và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị L về nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh P có trách nhiệm giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi. Chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị L và anh P không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng là phù hợp; xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là không phù hợp.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thùy L.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Thùy L và anh Trương Văn P.

- Về nuôi con chung:

Anh Trương Văn P có trách nhiệm giao con chung tên Trương Thị Thùy H, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2012 cho chị Đoàn Thị Thùy L trực tiếp nuôi, chị Đoàn Thị Thùy L không yêu cầu anh Trương Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản, nợ chung: Chị Đoàn Thị Thùy L và anh Trương Văn P không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Đoàn Thị Thùy L đã nộp theo biên lai số AA/2016/0020837 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Đoàn Thị Thùy L đã nộp xong án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã L, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyến**